

BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ, BẢO ĐẢM TỶ LỆ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THAM GIA QUỐC HỘI PHÙ HỢP VỚI CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ XÓA BỎ MỌI HÌNH THỨC PHÂN BIỆT CHUNG TỘC

TS. Nguyễn Lâm Thành

Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.

1. Cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền tham gia chính trị, tham gia Quốc hội của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng chung sống lâu đời, trong đó có 53 dân tộc thiểu số (DTTS), với hơn 14 triệu người (chiếm khoảng 14,7% dân số cả nước). Các dân tộc thiểu số có số dân không đồng đều, có nhóm đông trên một triệu người như Tày, Thái, Mường, Khmer, ngược lại có nhóm rất ít số dân dưới một nghìn người như: Si La, Pu Péo, Ở Đu, Brâu, Rơ Măm¹. Địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số phân bố trên ¾ diện tích cả nước tại 51/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, 548 huyện, 5.266 đơn vị hành chính cấp xã², chủ yếu ở vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải Miền Trung.

Đường lối chính trị của nhà nước Việt Nam luôn khẳng định các dân tộc thiểu số là bộ phận không thể tách rời quốc gia dân tộc và luôn coi trọng việc bảo đảm quyền chính trị, kinh tế, văn hóa; không phân biệt đối xử. Trong đó, có quyền tham gia vào hệ thống chính trị nhà nước, đặc biệt là đối với cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội.

Bản Hiến pháp năm 1992 ra đời trên cơ sở Cương lĩnh 1991, đã hội tụ nhiều yếu tố, vừa mang tư tưởng cốt lõi về nhà nước pháp quyền dân chủ nhân dân. Vấn đề dân tộc được khẳng định là nền tảng cho những chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc cả trong giai đoạn tiếp theo, đó là: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. ..*” (Điều 5); “*Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật*” (Điều 52); “*Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật*” (Điều 54).

Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế,*

¹ 5 dân tộc (Tày, Thái, Mường, Khmer và Mông) > 1 triệu người; 3 DT từ 500.000 - 1 triệu người; 29 DT từ 10.000 - 500.000 người; 16 DT < 10.000 người (trong đó 6 DT từ 1.000 - 5.000 người, 5 DT < 1.000 người).

² Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ²,

văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (khoản 1, Điều 14); ;” Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định” (Điều 27).

Về dân tộc: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc, Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.”(Điều 5.

Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013 ghi nhận quyền bình đẳng trước pháp luật của mọi công dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc thiểu số hay đa số, chủng tộc, tôn giáo, không phân biệt đối xử, trong đó có quyền bầu cử, ứng cử.

Để tăng cường sự tham gia của đại diện các dân tộc trong cơ quan Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu quốc hội (1997) ghi rõ: “Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật” (Điều 2); “Số đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến theo đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm để các thành phần dân tộc thiểu số có số đại biểu thích đáng” (Điều 10).

Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (2016) tiếp tục chỉ rõ: “Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm ít nhất mười tám phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.” (Khoản 2, Điều 8).

Luật 1997 có giao một cơ quan Quốc hội là Hội đồng dân tộc đảm trách việc chuẩn bị nhân sự là người dân tộc thiểu số ứng cử Quốc hội đã thể hiện việc tăng cường vị thế của cơ quan đại diện dân tộc trong Quốc hội trong công tác bầu cử, Luật 2016 đã có sự phát triển thêm một bước khi qui định tỷ lệ tối thiểu ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số về mặt định lượng (18%) và tỷ lệ này cao hơn tỷ lệ dân số dân tộc thiểu số so với dân số chung cả nước sẽ thúc đẩy cơ hội tham gia nhiều hơn đại diện dân tộc thiểu số.

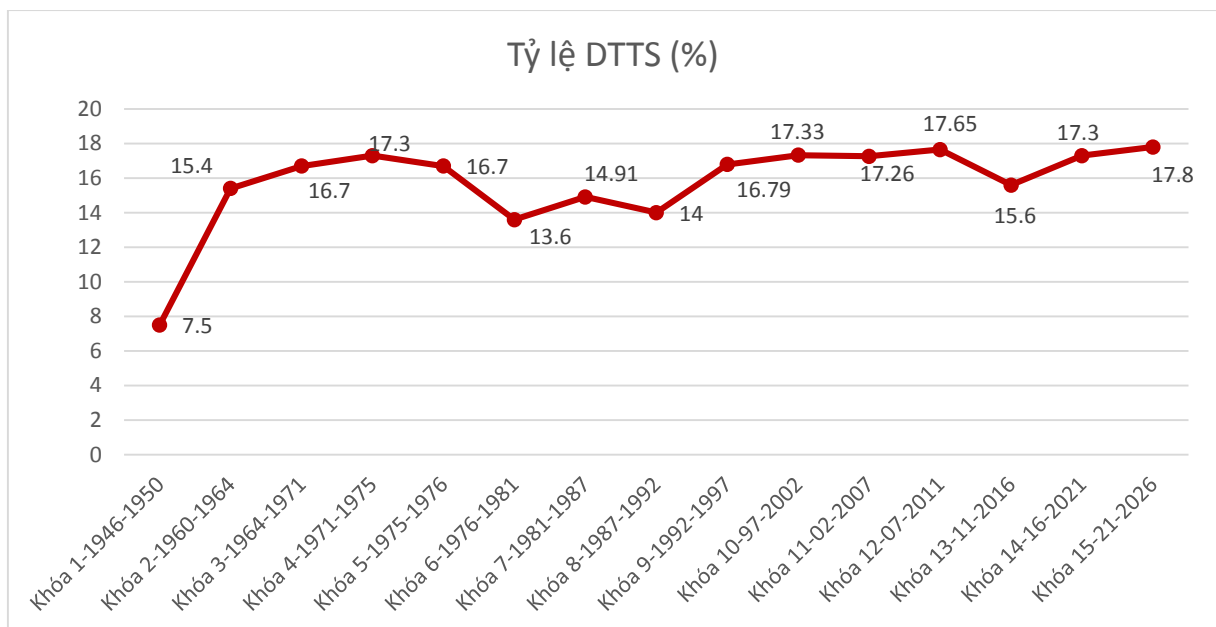
2. Về sự tham gia của đại biểu dân tộc thiểu số qua các khóa Quốc hội Việt Nam

Về đại biểu người dân tộc thiểu số trong cơ quan Quốc hội qua các khóa., nhìn vào kết quả cho thấy, ngoại trừ Khóa 1, bầu cử Quốc hội trong một bối cảnh chính trị đặc biệt khi đó Việt Nam mới giành được độc lập thì tỷ lệ dân tộc thiểu số trong cơ quan Quốc hội đạt tỷ lệ (10,2%) với 34/333 đại biểu. Giai

đoạn tiếp theo từ Khóa II, III, thành phần đã tăng lên đáng kể (tương ứng 15,6 và 16,7%) và cao nhất giai đoạn này là Khóa IV năm 1971-1976 (tỷ lệ đạt 17,3%). Giai đoạn 76-92, có nhiều những biến động, thay đổi về tình hình chính trị, kinh tế đất nước, tỷ lệ đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số xuống thấp hơn chỉ trên dưới 14%. Đến giai đoạn 1997-2011, tỷ lệ dân tộc thiểu số 3 khóa liền đạt trên 17% và đã lên tới 17,65% (Khóa XII, 2007-2011). Nhiệm kỳ khóa XIII (2011-2016), tỷ lệ dân tộc thiểu số chỉ đạt 15,6%, nhiệm kỳ Khóa XIV (2016-2021) lại đạt 17,3% và nhiệm kỳ Khóa 15 (2021-2026) đạt 17,8 %, với 89/499 đại biểu của 32 dân tộc trúng cử, cao nhất các khóa Quốc hội, tức là gần với chỉ tiêu qui định mới về ứng cử viên dân tộc thiểu số theo luật định (18%)³.

Tuy mức độ biến động tỷ lệ đại biểu dân tộc thiểu số trong cơ quan Quốc hội có khác nhau, có yếu tố giai đoạn, phụ thuộc vào hoàn cảnh, tình hình chính trị cũng như công tác cán bộ dân tộc thiểu số trong các giai đoạn này nhưng nhìn chung tỷ lệ đều đạt cao hơn tỷ lệ dân số dân tộc trong cơ cấu dân số quốc gia và đây là kết quả rất đáng ghi nhận.

Biểu đồ: Tỷ lệ đại biểu quốc hội dân tộc thiểu số từ khóa I – khóa XV (%)



Về cơ cấu thành phần các dân tộc, mỗi nhiệm kỳ Quốc hội đều có đại diện của từ 28-32 dân tộc. Một số dân tộc thiểu số có số dân đông như Tày, Thái, Mường, Khmer, Mông, Nùng đều có đại diện qua các khóa Quốc hội với số lượng đáng kể; một số dân tộc có dân ít (dưới 10.000 người, đặc biệt dưới 1000 người) sinh sống ở các vùng núi cao, hẻo lánh cũng có đại diện tham gia Quốc hội. Đáng chú ý, khóa XIV, lần đầu tiên có đại diện dân tộc Mảng (dân số dưới 5.000 người) và khóa XV, lần đầu tiên có đại diện dân tộc Brâu (dân số dưới 1.000 người) và dân tộc Lự (dân số 6.000 người) tham gia Quốc hội. Đến nay đã

³ Nguồn Quốc hội Việt Nam

có tổng số 52/54 dân tộc (bao gồm cả dân tộc Kinh) và 51/53 dân tộc thiểu số đã có đại diện tham gia Quốc hội qua các khóa. Hiện chỉ còn 2 dân tộc Ô đù (số dân dưới 1.000 người) và Ngái (số dân dưới 2.000 người) chưa có đại diện tham gia các khóa Quốc hội và đây cũng là mục tiêu Việt Nam phấn đấu để các dân tộc có đại biểu Quốc hội.

Có thể nói suốt những năm vừa qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc bảo đảm quyền chính trị, trong đó có quyền bầu cử, ứng cử cho người dân tộc thiểu số, bảo đảm tỷ lệ thích đáng, phù hợp đại diện các dân tộc trong cơ quan Quốc hội cũng như Hội đồng nhân dân các cấp. Kết quả bầu cử Quốc hội các khóa, nhất là những năm trở lại đây là minh chứng rõ nét cho đường lối chính trị của Việt Nam thực hiện nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc, không phân biệt đối xử và luôn tạo cơ hội cho các dân tộc hòa nhập vào sự phát triển chung của quốc gia dân tộc, góp phần thực hiện tốt các công ước quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên.

3. Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường sự tham gia của dân tộc thiểu số vào cơ quan Quốc hội

Không nằm ngoài qui luật chung như các quốc gia có nhiều dân tộc và đặc điểm dân tộc như Việt Nam, có một số rào cản, hạn chế sự tham gia vào hệ thống chính trị, đặc biệt là cơ quan Quốc hội mà nguyên nhân sâu xa là từ điều kiện môi trường sống và môi trường phát triển.

Điểm chung nhất là do thiếu cơ hội học tập tốt nên chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nói chung chưa cao, cơ hội có vị trí việc làm trong hệ thống các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội chưa nhiều dẫn đến cơ hội tham gia ứng cử hạn chế khi phải đáp ứng đủ các điều kiện về tiêu chuẩn ứng cử. *Hai là*, những rào cản về mặt xã hội trong sự hòa nhập chung đối với người dân tộc thiểu số, do những quan niệm, định kiến có thể nảy sinh từ những khác biệt văn hóa, tập quán và cả nhận thức giữa các dân tộc. Bên cạnh đó, Việt Nam có nhiều dân tộc, nhiều dân tộc có dân số ít nên việc bảo đảm cân bằng trong tương quan tính đại diện cũng là bài toán khó. *Ba là*, trong công tác ứng cử, bản thân người dân tộc thiểu số đôi lúc còn thiếu tự tin. Một số ứng viên chưa chuẩn bị đủ các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và bản lĩnh khi xuất hiện trước công chúng cũng như các cuộc tiếp xúc cử tri. *Bốn là*, một bộ phận cử tri còn chưa nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của bản thân trong bầu cử, về sự cần thiết có đại diện cho dân tộc trong cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước.

Để giải quyết những vấn đề trên, nhiều biện pháp đã được triển khai thực hiện nhằm tăng cường sự tham chính của đồng bào dân tộc thiểu số vào cơ quan Quốc hội, bảo đảm tính đại diện, cơ cấu tỷ lệ phù hợp gắn với nâng cao chất lượng ứng cử viên trong các cuộc bầu cử cũng như đại biểu Quốc hội khi trúng cử.

(1). *Tiến hành phát hiện, tập hợp giới thiệu nguồn ứng cử*: Hội đồng dân tộc thực hiện chức năng theo luật định, xây dựng kế hoạch phân bổ số lượng ứng viên theo cơ cấu thành phần dân tộc phân bổ cho các địa phương, bảo đảm

hài hòa tỷ lệ dân số, tính đại diện dân tộc, vùng, miền, địa phương và nhân tố tiêu biểu được phát hiện. Các bước tiếp theo là tập hợp danh sách trên cơ sở giới thiệu của các địa phương, phối hợp với cơ quan chức năng tổng hợp giới thiệu danh sách ứng cử viên dân tộc thiểu số cho Hội đồng bầu cử quốc gia. Quy trình này đảm bảo thực hiện được các tiêu chí theo qui định, trong đó có tối thiểu 18% ứng viên là người dân tộc thiểu số.

(2). *Tiến hành công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng vận động tranh cử cho các ứng cử viên:* Tổ chức các hội nghị tập huấn “Kỹ năng vận động tranh cử cho ứng cử viên đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số”. Tập huấn là bước chuẩn bị cần thiết để tạo điều kiện, cơ hội cho các ứng cử viên tiềm năng người DTTS tham gia ứng cử, trở thành đại biểu Quốc hội, phấn đấu bảo đảm số lượng, chất lượng, tỷ lệ đại biểu người DTTS.

(3). *Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đặc biệt đối với cử tri, cử tri vùng dân tộc.* Công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử được tăng cường nhằm phổ biến đến mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cử tri đồng bào DTTS để họ nêu cao tinh thần làm chủ, trách nhiệm, lựa chọn và bầu ra những đại diện xứng đáng tiêu biểu về phẩm chất, năng lực, uy tín tham gia vào các cơ quan Quốc hội. Công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử cần tập trung hướng tới cơ sở, xuất phát từ cơ sở, đặc biệt chú trọng tuyên truyền phù hợp với phong tục tập quán, đặc điểm môi trường sống, tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS; phát huy những sáng kiến trong công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào DTTS, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

(4.) *Tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng* nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Quốc hội cho các đại biểu trúng cử đại biểu Quốc hội, nhất là đối với đại biểu là người dân tộc thiểu số, tiếp tục khẳng định vị thế, vai trò tham gia của các đại diện dân tộc thiểu số trong cơ quan Quốc hội của Nhà nước.

Trong mục tiêu dài hạn, để tăng cường sự tham gia của đại diện DTTS vào hệ thống cơ quan dân cử các cấp, nhất là cơ quan Quốc hội cần tiếp tục làm tốt công tác phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ DTTS ở từng cấp theo từng vị trí dự kiến cụ thể. Đối với những cán bộ có tiềm năng nhưng còn chưa đủ chuẩn về trình độ chuyên môn hay lý luận chính trị, phải gấp rút đào tạo nhưng phải bảo đảm chất lượng. Mạnh dạn bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ DTTS vào nhiều lĩnh vực, vị trí. Chú ý đến cơ cấu dân tộc trên địa bàn để bảo đảm tính đại diện. Xây dựng lộ trình từng bước nâng chỉ tiêu cơ cấu tham gia của cán bộ DTTS vào hệ thống các cơ quan dân cử. Nhà nước cần ban hành các chính sách cụ thể, phù hợp hơn nữa nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt bậc phổ thông ở vùng DTTS, chú trọng đối với các dân tộc ít người, rất ít người; xây dựng đội ngũ trí thức dân tộc, tạo tiền đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực./.